

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày: 21-01-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Thắng
- Ông Hồ Đức Minh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 494/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị Bích T, sinh năm 1980 và ông Phạm Hoàng N, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H có mặt; bị đơn bà Trần Thị Bích T và ông Phạm Hoàng N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 22/7/2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà H trình bày:

Vào ngày 28/5/2019 bà Trần Thị Bích T và chồng là ông Phạm Hoàng N có vay của bà H số tiền 15.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để trả tiền ngân hàng, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Bà T và ông N hẹn 7 ngày sẽ trả cho bà H số tiền nêu trên. Hết thời hạn trả nợ bà H đã nhiều lần yêu cầu bà T và ông N trả tiền nhưng bà T hẹn bán đất sẽ trả tiền vay cho bà H nhưng đã hai lần bà T bán đất nhưng không trả số tiền 15.000.000 đồng cho bà H. Việc vay mượn tiền hai bên có lập giấy mượn tiền, bà T và ông N ký tên xác nhận. Tại đơn khởi kiện ngày 22/7/2024 bà H yêu cầu bà Trần Thị Bích T và ông Phạm Hoàng N phải trả số tiền 24.300.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 15.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính từ ngày 28/5/2019 cho đến ngày nộp đơn khởi kiện ngày 25/7/2024 là $15.000.000 \text{ đồng} \times 1\% \times 62 \text{ tháng} = 9.300.000 \text{ đồng}$). Tuy nhiên tại phiên tòa bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện bà H thay đổi về nội dung tính tiền lãi. Bà H yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 06/6/2019 cho đến ngày 06/12/2024 là 66 tháng với số tiền: $15.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 66 \text{ tháng} = 8.217.000 \text{ đồng}$. Như vậy tổng số tiền mà bà H yêu cầu ông N và bà T phải trả cho bà H là 23.217.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 15.000.000 đồng và số tiền lãi là 8.217.000 đồng).

Ngoài ra, bà H không có ý kiến gì khác.

*** Quá trình tố tụng giải quyết vụ án bị đơn ông N và bà T:**

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng tổng đạt, niêm yết đề ông N và bà T tham gia tố tụng nhưng ông N và bà T cố tình vắng mặt mà không có lý do nên không thu thập được ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Bích T và ông Phạm Hoàng N liên đới thanh toán số tiền nợ là 23.217.000 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng). Bà Trần Thị Bích T và ông Phạm Hoàng N có nơi cư trú tại địa chỉ ấp Đ, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H có mặt, bị đơn bà Trần Thị Bích T và ông Phạm Hoàng N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Bích T và ông Phạm Hoàng N liên đới trả số tiền nợ với số tiền gốc là 15.000.000 đồng và số tiền lãi từ ngày 06/6/2019 cho đến ngày 06/12/2024 là 66 tháng với số tiền: $15.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\% \times 66 \text{ tháng} = 8.217.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng bà H yêu cầu bà T và ông N liên đới trả cho bà H số tiền 23.217.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 15.000.000 đồng và số tiền lãi là 8.217.000 đồng).

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì nguyên đơn bà H đã cung cấp giấy mượn tiền do bị đơn bà T và ông N ký tên xác nhận. Từ chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp xác định được rằng bị đơn bà T và ông N có vay của nguyên đơn bà H số tiền 15.000.000 đồng, thời gian vay là 07 ngày, hai bên không thỏa thuận về lãi suất, mục đích vay là để trả tiền ngân hàng. Tính đến nay thì bị đơn bà T và ông N chưa trả được bất kỳ một khoản tiền nợ nào cho bà H. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn bà T và ông N tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng bà T và ông N vắng mặt không có lý do; đồng thời bà T và ông N cũng không cung cấp chứng cứ, không cung cấp ý kiến của mình. Việc bà T và ông N không thanh toán số tiền nợ cho bà H khi đến hạn thanh toán là vi phạm N vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, bà T và ông N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền vay cho bà H với số tiền 23.217.000 đồng (trong đó số tiền gốc là 15.000.000 đồng và số tiền lãi là 8.217.000 đồng). Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Thu H đối với bị đơn bà Trần Thị Bích T và ông Phạm Hoàng N về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị Bích T và ông Phạm Hoàng N có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Đỗ Thị Thu H số tiền là 23.217.000 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng) trong đó số tiền gốc là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) và số tiền lãi là 8.217.000 đồng (tám triệu hai trăm mười bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Bích T và ông Phạm Hoàng N phải liên đới chịu số tiền 1.160.850 đồng (một triệu một trăm sáu mươi nghìn tám trăm năm mươi đồng).

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Thu H số tiền 607.500 đồng (sáu trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000466 ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (21/01/2025).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết